

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 02 - 2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng ủy
quyền, Bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng ủy quyền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1950

Địa chỉ: số 30/13 đường Quán Th, phường Bình H, thành phố Hải D, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1947

Địa chỉ: thôn Nhữ T, xã Quang Kh, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa có mặt ông T. Ông H vắng mặt và có đơn đề nghị xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Ngọc H phải trả cho ông T các phí tổn trong thời gian ông T thực hiện ủy quyền của ông H bao gồm: Công làm việc với các cơ quan trong thời gian 03 năm, mỗi năm là 5.000.000đ x 03 năm = 15.000.000đ; Công tìm, nghiên cứu các tài liệu của Đảng và nhà nước về các chế độ của người có công với cách mạng là 30.000.000đ; Công tìm, nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ về quá trình công tác, các giấy tờ hồ sơ thương binh của ông H, soạn thảo văn bản, phô tô tài liệu là 20.000.000đ; Tiền xăng dầu đi lại, ăn

uống, gửi đơn thư đến các nơi là 10.000.000đ. Tổng cộng là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

- Yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng)

Tổng các khoản ông T yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bồi thường cho ông T là 89.000.000đ (Tám mươi chín triệu đồng)

Căn cứ chứng minh cho các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đưa ra:

Ông T và ông Vũ Ngọc H quen biết nhau qua một người bạn của ông T là ông Nguyễn Huy Sinh. Trong các lần nói chuyện giữa ông T và ông Sinh có đề cập đến việc ông H trước đây là thương binh được hưởng chế độ nhưng đã bị nhà nước cắt chế độ nên ông Sinh có nhờ ông T làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giúp ông H được hưởng lại chế độ thương binh đã bị cắt. Ông T nhận lời ông Sinh và đã đến gặp ông H để trao đổi, sau khi trao đổi giữa ông H và ông T đi đến thống nhất bằng việc ngày 18/02/2020 ông H lập giấy ủy quyền để ủy quyền cho ông T thay mặt ông làm, soạn thảo văn bản để gửi, gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm việc yêu cầu giải quyết chế độ thương binh cho ông H. Ngày 22/02/2020 giữa ông H và ông T có lập phụ lục hợp đồng ủy quyền trên cơ sở giấy ủy quyền hai bên đã lập ngày 18/02/2020 theo đó trong thời gian thực hiện ủy quyền ông H phải có trách nhiệm bổ sung tài liệu còn thiếu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước cũng như theo yêu cầu của ông T. Ngoài ra phụ lục hợp đồng còn quy định về việc ông H phải chịu các phí tổn cho việc đi lại, soạn thảo văn bản và tiền công cho ông T, cụ thể: tiền công cho ông T là 5.000.000đ; tiền các chi phí khác là 15.000.000đ. Tổng cộng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ông H đã đưa trước cho ông T 3.000.000đ, số tiền còn lại ông H sẽ giao cho ông T khi ông H có quyết định được hưởng chế độ thương binh. Bên cạnh đó khi được hưởng chế độ thương binh, nếu ông H được truy lĩnh tiền thương binh thì ông H cho ông T hết số tiền được truy lĩnh để ông T chi phí thêm các khoản khác.

Thực hiện công việc ủy quyền của ông H, ông T đã tìm hiểu, nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan đến việc hưởng chế độ thương binh cũng như quá trình công tác, hồ sơ thương binh của ông H, soạn thảo các văn bản, phô tô văn bản để gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đòi hỏi quyền lợi thương binh cho ông H. Tuy nhiên khi công việc đang thực hiện và sắp có kết quả thì ông H tự ý làm văn bản hủy bỏ ủy quyền nên ông không thể tiếp tục thực hiện các công việc mà ông H đã ủy quyền. Việc ông H tự ý hủy bỏ ủy quyền đã ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cũng như công sức mà ông đã bỏ ra trong suốt 03 năm nên ông T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải bồi thường những tổn thất trong quá trình thực hiện ủy quyền và tổn thất về tinh thần.

* Bị đơn ông Vũ Ngọc H tại bản trình bày ý kiến và biên bản lấy lời khai thể hiện:

Ông H trước đây có thời gian tham gia quân đội từ năm 1967 và chiến đấu ở các chiến trường miền Nam, Quảng Trị, Tây Nguyên, Lào, Campuchia. Năm 1972, khi tham gia chiến đấu ông bị thương do trúng bom, cuối năm 1972 ông được đưa ra ngoài Bắc để khám thương, điều trị vết thương rồi làm việc tại cơ

quan cũ, tại cơ quan cũ ông được hưởng chế độ thương binh với thương tật 27% do cơ quan trả, sau đó ông nghỉ hưu. Đến năm 1995 ông có làm đơn đề nghị đến Tỉnh đội, Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Hải Dương cho ông được hưởng chế độ thương binh nhưng không được với lý do thiếu giấy tờ. Năm 2020, ông Nguyễn Huy Sinh là thông gia với ông có nói ông Phạm Anh T làm được chế độ thương binh, giữa ông và ông T có mối quan hệ họ hàng nên ông đã nhờ ông T làm cho ông được hưởng chế độ thương binh. Sau đó giữa ông và ông T có làm giấy ủy quyền, phụ lục hợp đồng ủy quyền như ông T trình bày với Tòa án là đúng, ông có đưa trước cho ông T 3.000.000đ. Tuy nhiên sau một thời gian ông T thực hiện công việc giúp ông thì ông được cơ quan có thẩm quyền thông báo hồ sơ đề nghị của ông không có căn cứ để giải quyết tiếp tục được hưởng chế độ thương binh bên cạnh đó ông T cũng chưa thực hiện xong công việc ủy quyền, nhận thấy việc đòi hỏi quyền lợi không có kết quả nên ông đã làm văn bản hủy bỏ giấy ủy quyền để chấm dứt việc ủy quyền giữa ông và ông T. Đối với số tiền 3.000.000đ ông đã đưa cho ông T ông tự nguyện không đòi lại và xác định đó là số tiền ông trả cho ông T đối với những công việc mà ông T đã làm khi thực hiện việc ủy quyền của ông, còn nếu ông T xuất trình được các tài liệu chứng minh chi phí mà ông T bỏ ra lớn hơn 3.000.000đ thì ông cũng đồng ý trả cho ông T. Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông không đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX buộc ông H phải bồi thường cho ông phí tổn trong thời gian thực hiện ủy quyền và tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng là 89.000.000đ. Ông H đã đưa trước cho ông 3.000.000đ nên ông H còn phải bồi thường tiếp 86.000.000đ.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3, 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 BLTTDS; các Điều 565, 566, 567, 568, 569, 584, 585, 586, 592; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án:

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T buộc ông Vũ Ngọc H phải trả thù lao ủy quyền cho ông T với các khoản cụ thể: tiền công: 3.000.000 đồng và một phần hợp lý các chi phí khác.

- Về án phí: miễn án phí cho Phạm Anh T, ông Vũ Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 18/02/2020 ông Phạm Anh T và ông Vũ Ngọc H có lập Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương với nội dung bên được ủy quyền (ông T) thực hiện các công việc liên quan yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết chế độ thương binh cho bên ủy quyền (ông H), ông H phải chịu các phí tổn khi ông T thực hiện việc ủy quyền. Ngày 22/02/2020 giữa ông H và ông T có lập Phụ lục hợp đồng ủy quyền dựa trên cơ

sở Giấy ủy quyền lập ngày 18/02/2020, theo phụ lục ông H phải chịu các phí tổn và tiền công là 20.000.000đ, ông H đã đưa trước cho ông T 3.000.000đ. Ngoài ra khi được hưởng chế độ thương binh và nếu ông H được truy lĩnh tiền thương binh thì ông H cho ông T hết số tiền truy lĩnh. Ngày 21/10/2022, ông H có văn bản hủy bỏ giấy ủy quyền để chấm dứt việc ủy quyền giữa ông và ông T nên dẫn đến tranh chấp và ông T có đơn khởi kiện đến Tòa án để buộc ông H phải thực hiện theo cam kết đã ký trong phụ lục hợp đồng. Vì vậy xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T bổ sung yêu cầu khởi kiện, ngoài việc bồi thường các phí tổn, ông T còn yêu cầu ông H phải bồi thường tổn thất tinh thần từ việc hủy bỏ ủy quyền nên xác định ngoài tranh chấp về hợp đồng dân sự còn tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 26 BLTTDS.

[1.2] Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án ông Vũ Ngọc H sinh sống tại thôn Nhữ T, xã Quang Kh, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Ông Vũ Ngọc H đã nhận được và có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xuất phát từ việc ông Vũ Ngọc H có văn bản hủy bỏ giấy ủy quyền giữa ông H và ông Phạm Anh T, cho rằng việc hủy bỏ giấy ủy quyền làm ảnh hưởng quyền lợi cũng như uy tín, danh dự của mình nên ông T có đơn khởi kiện đến Tòa án, ban đầu ông yêu cầu Tòa án buộc ông H phải thực hiện theo phụ lục hợp đồng nhưng sau đó ông thay đổi và bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bồi thường phí tổn liên quan đến thực hiện công việc ủy quyền là 75.000.000đ và tổn thất tinh thần do việc hủy bỏ ủy quyền là 14.000.000đ. Tổng cộng là 89.000.000đ (Tám mươi chín triệu đồng).

[2.1] Xét Giấy ủy quyền ngày 18/02/2020 và Phụ lục hợp đồng ủy quyền ngày 22/02/2020 thì thấy: Giấy ủy quyền ngày 18/02/2020 có xác nhận của UBND xã Quang Khải còn phụ lục hợp đồng không có xác nhận của UBND xã Quang Khải nhưng cả Giấy ủy quyền và Phụ lục hợp đồng ủy quyền đều hướng tới việc bên được ủy quyền thực hiện công việc giúp bên ủy quyền đòi hỏi chế độ thương binh, các bên đều xác nhận Giấy ủy quyền và Phụ lục hợp đồng ủy quyền đều đúng với ý chí của họ, thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái với các quy định của pháp luật. Vì vậy xác định Phụ lục hợp đồng ủy quyền ngày 22/02/2020 là một phần không thể tách rời của Giấy ủy quyền ngày 18/02/2020 và việc ủy quyền là ủy quyền có thù lao bên ủy quyền đã đưa trước cho bên được ủy quyền 3.000.000đ (ba triệu đồng) số tiền còn lại khi thực hiện xong công việc bên ủy quyền có trách nhiệm trả nốt.

[2.2] Xét các công việc liên quan đến Giấy ủy quyền và phụ lục thì thấy:

Theo như Giấy ủy quyền, ông T tiến hành các công việc cần thiết liên quan đến yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết chế độ thương binh cho ông H như tại khoản 1 của Giấy ủy quyền đã nêu, ông H phải trả có ông T các

phí tổn, tiền công khi thực hiện công việc ủy quyền được ghi trong Giấy ủy quyền và phụ lục hợp đồng.

Ông T xác định sau khi ký Giấy ủy quyền và Phụ lục hợp đồng ủy quyền, ông đã thực hiện việc soạn thảo các văn bản gửi các cơ quan liên quan và đến các cơ quan có thẩm quyền để làm việc và đã đạt được một số kết quả tuy nhiên công việc đến nay chưa thực hiện xong.

Ông H xác định có việc ông T soạn thảo các văn bản để gửi và đến các cơ quan có thẩm quyền để làm việc nhưng đến trước thời điểm ông có Văn bản hủy bỏ Giấy ủy quyền thì ông T chưa thực hiện xong công việc được ủy quyền và bản thân ông H nhận thấy việc công việc mà mình đã ủy quyền không có kết quả nên quyết định chấm dứt việc ủy quyền.

Tại biên bản xác minh tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Tứ Kỳ thể hiện: đối với các trường hợp liên quan đến yêu cầu hưởng chế độ thương binh, bệnh binh ... thì người yêu cầu chỉ gửi đơn yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền mà không phải làm bất kỳ công việc nào khác. Cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành kiểm tra, thu thập tài liệu và xác định nếu đủ điều kiện sẽ ra quyết định hưởng trợ cấp nếu không đủ sẽ có thông báo trả lời.

Như vậy có thể thấy đến trước thời điểm ông H có văn bản hủy bỏ giấy ủy quyền và các tài liệu do ông T cung cấp thì thấy ông T đã thực hiện được một số công việc nhất định liên quan đến ủy quyền như: tìm hiểu các quy định của pháp luật, hồ sơ của người yêu cầu hưởng chế độ.....soạn thảo các văn bản, gửi văn bản, làm việc tại cơ quan có thẩm quyền cụ thể là Thanh tra tỉnh Hải Dương và Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Hải Dương.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Theo đơn khởi kiện, bổ sung yêu cầu khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án thì ông T yêu cầu Tòa án buộc ông H bồi thường các phí tổn và tổn thất tinh thần do hủy bỏ việc ủy quyền cụ thể: Công làm việc với các cơ quan trong thời gian 03 năm, mỗi năm là 5.000.000đ x 03 năm = 15.000.000đ; Công tìm, nghiên cứu các tài liệu của Đảng và nhà nước về các chế độ của người có công với cách mạng là 30.000.000đ; Công tìm, nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ về quá trình công tác, các giấy tờ hồ sơ thương binh của ông H, soạn thảo văn bản, phô tô tài liệu là 20.000.000đ; Tiền xăng dầu đi lại, ăn uống, gửi đơn thư đến các nơi là 10.000.000đ; bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần là 14.000.000đ. Tổng các khoản nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải bồi thường cho ông T là 89.000.000đ (Tám mươi chín triệu đồng).

Theo quy định tại khoản 6 mục III của Giấy ủy quyền cũng như mục IV của Phụ lục hợp đồng thì thời hạn ủy quyền tính từ ngày 18/02/2020 đến khi quyền lợi của các bên được giải quyết xong có nghĩa ông H được hưởng chế độ thương binh còn ông T được hưởng các chi phí và khoản khác do việc thực hiện ủy quyền được quy định trong phụ lục. Tuy nhiên ông T chưa thực hiện xong công việc ủy quyền, ông H có văn bản chấm dứt ủy quyền nên theo quy định tại khoản 1 Điều 569 BLDS: "*Trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại.....*". Như vậy trong trường hợp này ông H

có quyền chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông T bất cứ lúc nào nhưng phải bồi thường cho ông T thù lao tương ứng với công việc mà ông T đã làm. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu ông T cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng minh cho các công việc mà ông T đã làm khi thực hiện ủy quyền nhưng ông T không cung cấp được cho Tòa án nên không có căn cứ xác định cụ thể số tiền để buộc ông H phải thanh toán thù lao cho ông T, ông T cung cấp một số tài liệu thể hiện có việc soạn thảo văn bản để gửi và có đến làm việc tại Thanh tra tỉnh Hải Dương nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T để buộc ông H phải trả cho ông T thù lao liên quan đến những công việc này mà không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T về các phí tổn như ông T liệt kê vì khi thực hiện việc ủy quyền thì ông T phải có trách nhiệm nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của pháp luật có liên quan cũng như tìm hiểu về hồ sơ thương binh của ông H. Sau khi ký phụ lục hợp đồng ông H đã đưa trước cho ông T 3.000.000đ, nay ông H xác định số tiền này là thù lao trả cho ông T đối với những công việc ông T đã làm nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của ông T thì thấy: việc ông H hủy bỏ ủy quyền với ông T là do tự bản thân ông H tự nhận thấy việc đòi hỏi chế độ thương binh của mình không có kết quả nên ông mới hủy bỏ ủy quyền cho ông T chứ không phải do ông T không có năng lực để thực hiện công việc ủy quyền nên trong trường hợp này ông T không bị thiệt hại gì về tài sản cũng như danh dự, uy tín nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T về việc bồi thường tổn thất về tinh thần.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận một phần và ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Đối với ông H mặc dù phải thanh toán trả ông T khoản tiền thù lao nhưng ông H cũng là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 BLTTDS; các Điều 565, 566, 567, 568, 569, 584, 585, 586, 592 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh T. Buộc ông Vũ Ngọc H phải trả thù lao cho ông Phạm Anh T tương ứng với công việc mà ông T đã làm trong thời gian thực hiện ủy quyền của ông H là: tiền công 3.000.000đ (Ba triệu đồng), các chi phí khác là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Tổng cộng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Đối trừ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) ông H đã đưa trước cho ông T, ông H còn phải tiếp tục trả cho ông T số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Anh T về việc buộc ông Vũ Ngọc H phải bồi thường tổn thất tinh thần do hủy bỏ việc ủy quyền cho ông T.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Phạm Anh T và ông Vũ Ngọc H.

Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành

